Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 113

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LIÊN SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Hồ Chí Minh (Quốc Lộ 21A)	Cầu Vai Cời	Hết địa phận xã Liên Sơn	6.500	5.100	3.100	3.200	2.500	1.500	2.800	2.100	1.300
2		Cây xăng hộ ông Phùng Xuân Sản	Hết địa phận Công ty Giấy Ba Nhất	6.500	5.100	3.100	3.200	2.500	1.500	2.800	2.100	1.300
3	Đường liên xã	Giáp xã Lương Sơn (xã Tân Vinh cũ)	Hết khu dân cư xóm Nước Lạnh	7.200	5.200	3.100	3.500	2.500	1.500	3.100	2.200	1.300
4		Tiếp giáp khu dân cư xóm Nước Lạnh	Giáp với địa phận xã Xuân Mai (xã Nam Phương Tiến cũ)	6.000	3.300	2.500	2.900	1.600	1.200	2.600	1.400	1.100
5		Xóm Đồn Vận giáp ranh địa phận xã Xuân Mai	Ngã tư xóm Đá Bạc	3.450	2.960	1.770	2.100	1.600	1.100	1.800	1.400	1.000
6		Ngã tư xóm Đá Bạc	Ngã ba xóm Ao Kềnh	3.400	2.920	1.740	2.100	1.600	1.100	1.800	1.400	1.000
7		Ngã ba xóm Ao Kềnh	Ngã ba đi nhà máy xi măng Xuân Mai	3.360	2.880	1.720	2.100	1.600	1.100	1.800	1.400	1.000
8		Ngã ba đi nhà máy xi măng Xuân Mai	Chi nhánh Ngân hàng Nam Lương Sơn (chợ Quán Trắng)	4.320	3.400	2.240	2.100	1.700	1.100	1.900	1.400	1.000
9		Ngã ba Cồ Lõi (xóm Đất Đỏ)	Nhà văn hóa xóm 23/9	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
10	Các tuyến đường khác	Nhà văn hóa xóm 23/9	Ngã ba với đường đi Chi nhánh Ngân hàng Nam Lương Sơn (chợ Quán Trắng)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
11		Ngã ba xóm Ghên	Lối rẽ vào nhà văn hóa xóm Sơn Thủy	2.900	2.500	1.500	1.400	1.200	700	1.200	1.100	700
12		Lối rẽ vào nhà văn hóa xóm Sơn Thủy	Hết khu dân cư xóm Suối Bến	1.720	1.500	900	840	750	470	750	650	380
13		Giáp xã Lương Sơn (xã Tân Vinh cũ)	Ngã ba đi xóm Liên Hoa	2.500	2.200	1.300	1.200	1.100	700	1.100	900	600
14		Ngã ba đi xóm Liên Hoa	UBND xã Cao Sơn cũ	2.500	1.650	1.300	980	650	490	850	560	470
15		Giáp xã Lương Sơn (xã Tân Vinh cũ)	Hộ ông Bùi Minh Việt, xóm Suối Bu (hết địa phận xã Cao Sơn cũ)	2.500	1.650	1.300	980	650	490	850	560	470
16		Ngã ba nhà văn hóa xã Yên Sơn	Hết khu dân cư xóm Hợp Phong	2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Các tuyến đường khác	Giáp đường xã Lương Sơn - UBND xã	Giáp xóm Liên Hòa	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
18		Cổng UBND xã Cư Yên	Hết địa phận xã Cư Yên	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
19		Nhà ông Nguyễn Bá Linh (thửa 91, tờ bản đồ 147-E)	Xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch cũ (thửa 05, tờ bản đồ 147-E)	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
20		Ngã ba nhà ông Nguyễn Đình Sơn (thửa 73, tờ bản đồ 172-A) xóm Phú Ngọc	Hết thửa 75, tờ bản đồ 172-A	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
21		Hộ ông Bùi Đăng My tại thửa đất số 221	Thửa đất 232 hộ ông Bạch Văn Lục	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
22		Trạm điện hộ ông Nguyễn Quốc Chính xóm Gò Mè (xã Liên Sơn trước đây), (tại thửa đất số 26, thuộc tờ bản đồ 173-C)	Hết địa phận xã Liên Sơn (Yên Cư cũ)	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
23		Cổng nhà ông Hoàng Minh Hùng, xóm Gò Mè (tại thửa số 16, thuộc tờ bản đồ 173-C)	Hết khu Liên Hà của xóm Gò Mè (xã Liên Sơn trước đây)	6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
24		Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường trong khu dịch vụ nhà vườn của công ty TAT và khu dịch vụ hộ gia đình ông Đỗ Như Cường xóm Rậm		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
25		Các tuyến đường nằm trong khu nhà ở Top Hill xóm Hợp Phong		2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700
26		Các tuyến đường nằm trong khu nhà ở Top Hill 2 xóm Phú Ngọc		2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700
27		Các tuyến đường nằm trong khu du lịch Đồi Hầu		2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700
28		Nhà ông Chiến (Thửa 17, tờ bản đồ 171-B) xóm Rậm	Ngã tư nhà ông Nguyễn Xuân Long (Thửa 86, tờ bản đồ 171-C) xóm Gò Mỡ	2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700
29		Nhà bà Đẻm (Thửa 104, tờ bản đồ 147-E)	Hết thửa 316, tờ bản đồ 147-E	2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
30	Các tuyến đường khác	Nhà ông Nguyễn Văn Tâm xóm Ao Chúa (Thửa 120, tờ bản đồ 171-C)	Hết thửa (Thửa 25, tờ bản đồ 171-C)	2.720	2.300	1.600	1.400	1.100	800	1.200	1.000	700
31		Giáp đường xã Lương Sơn đi xã Xuân Mai	Giáp xóm Thanh Cù của xã Lương Sơn (xã Nhuận Trạch cũ)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
32		Hộ ông Nguyễn Văn Ngậy (tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 173-c)	Hết địa phận xóm Liên Khuê (xã Liên Sơn trước đây)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
33		Hộ ông Nguyễn Quang Điện (tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 172-d)	Hết thửa đất của nhà bà Phạm Thị Thu Hường (tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 172-d)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
34		Nhà văn hóa	Hết thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị Nụ (tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 172-d)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
35		Hộ nhà ông Nguyễn Bá Thương (tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 172-d)	Hết thửa đất hộ nhà ông Nguyễn Văn Tỵ (tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 173-c)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
36		Hộ ông Nguyễn Văn Nguyên (tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 172-c)	Hết thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Hùng (tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 172-c)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
37		Ngã tư xóm Nước Lạnh (xã Liên Sơn trước đây)	Cổng Công ty Phương Nam	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
38		Hộ ông Nguyễn Văn Trây (tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 172-c)	Hết thửa đất của hộ bà Cao Bích Lân (tại thửa đất số 02a, tờ bản đồ số 172-c), xóm Nước Lạnh (xã Liên Sơn trước đây)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
39		Nhà ông Hoàng Văn Long (Thửa 126, tờ bản đồ 147-Đ) xóm Giếng Xạ	Cổng Trang trại Vịt Cổ Xanh	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
40		Nhà ông Nguyễn Văn Đông (Thửa 134, tờ bản đồ 147-E) xóm Giếng Xạ	Hết (Thửa 01, tờ bản đồ 171-A) của ông Lưu Công Hoan	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
41	Các tuyến đường khác	Nhà ông Hoàng Đức Long (Thửa 10, tờ bản đồ 171-B) xóm Rậm	Nhà ông Hoàng Quang Bản, xóm Rậm (Thửa 143, tờ bản đồ 171-B)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
42		Nhà ông Hoàng Văn Thịnh (Thửa 148, tờ bản đồ 171-B) xóm Rậm	Hết đất nhà ông Hoàng Văn Mạnh (Thửa 142, tờ bản đồ 171-B) xóm Rậm	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
43		Nhà ông Hoàng Văn Phi (Thửa 330, tờ bản đồ 171-B) xóm Gò Đẻ	Hết đất nhà ông Nguyễn Mạnh Hùng (Thửa 187, tờ bản đồ 171-B) xóm Gò Đẻ	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
44		Nhà bà Nguyễn Văn Phong (Thửa 75, tờ bản đồ 171-B) xóm Gừa	Nhà ông Hồng xóm Gừa (Thửa 249, tờ bản đồ 171-B)	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
45		Ngã ba nhà ông Nguyễn Long Điền (Thửa 35, tờ bản đồ 172-A) xóm Gừa	Đập Chú Le	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
46		Ngã ba nhà ông Trịnh Hữu Tiện (Thửa 35, tờ bản đồ 172-A) xóm Phú Ngọc	Ngã ba nhà ông Đặng Văn Hùng (Thửa 31, tờ bản đồ 172-A) xóm Phú Ngọc	2.300	2.050	1.450	1.100	1.000	700	1.000	900	700
47		Ngã ba nhà ông Lê Văn Công (Thửa 18, tờ bản đồ 171-B) xóm Rậm	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Át (Thửa 150, tờ bản đồ 171-B), xóm Rậm	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
48		Nhà bà Bùi Thị Tết (Thửa 158, tờ bản đồ 147-D) xóm Giếng Xạ	Nhà ông Bùi Văn Quyết (Thửa 173, tờ bản đồ 147-D) xóm Giếng Xạ	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
49		Nhà ông Bùi Thành Đội (Thửa 45, tờ bản đồ 171-E) xóm Hang Đá	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Nhợ (Thửa 98, tờ bản đồ 171- E) xóm Hang Đồi 2	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
50		Ngầm xóm Hang Đồi 1	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Vinh (Thửa 07, tờ bản đồ 195-B), xóm Hang Đồi 2	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
51		Nhà văn hóa xóm Hang Đồi 1 qua ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Dịp (Thửa 126, tờ bản đồ 171-E)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Bảy (Thửa 116, tờ bản đồ 171-C) xóm Suối Rè	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
52		Nhà ông Nguyễn Văn Quân (Thửa 109, tờ bản đồ 171-Đ) xóm Ao Chúa	Nhà văn hóa xóm Ao Chúa	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
53	Các tuyến đường khác	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hợp (Thửa 113, tờ bản đồ 171- D) xóm Ao Chúa	Nhà ông Nguyễn Văn Viện (Thửa 90, tờ bản đồ 171-D) xóm Ao Chúa	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
54		Ngã ba nhà bà Trần Thị Hà (Thửa 18, tờ bản đồ 171-C) xóm Tốt Yên	Hết đất bà Nguyễn Thị Lập (Thửa 43, tờ bản đồ 171-C) xóm Tốt Yên (ngã ba rẽ vào khu Rậm Mý, xóm Tốt Yên)	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
55		Nhà văn hóa xóm Ao Đa	Xóm Tốt Yên	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
56		Nhà văn hóa xóm Ao Đa	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Bằng (Thửa 55, tờ bản đồ 171-C) xóm Ao Đa	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
57		Hộ ông Nguyễn Văn Nguyên xóm Suối Yên	Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Khanh xóm hợp Phong (khu Đồi Voi)	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
58		Hộ ông Nguyễn Văn Chính (tại thửa đất số 35, tờ bản đồ 172-E)	Hết thửa đất của nhà ông Bạch Công Đức (tại thửa đất số 25, tờ bản đồ 172-E)	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
59		Nhà ông Nguyễn Mạnh Thường (tại thửa đất số 12, tờ bản đồ 196-B)	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Hải (tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 196-B)	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
60		Nhà ông Nguyễn Văn Hiếu (tại thửa đất số 08b, tờ bản đồ 172-e)	Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Vùng (tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 172-e)	2.040	1.800	1.400	1.000	900	700	2.600	800	600
61		Ngã tư xóm Đá Bạc	Trại ấp thuộc Công ty giống gia cầm Lương Mỹ	4.320	3.400	2.250	2.100	1.700	1.100	1.900	1.400	1.000
62		Nhà ông Phạm Văn Tặng (thửa số 443, tờ bản đồ số 247-Đ-II)	Nhà ông Bùi Văn Tân (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 247-C-III)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
63		Nhà ông Đinh Xuân Thành (thửa đất số 254, tờ bản đồ 271-A-II)	Cổng Nhà văn hóa xóm (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 271-A-II)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
64		Nhà ông Thuận, (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 271-D-III)	Nhà bà Nguyễn Thị Lạc (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 271-Đ-II)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
65	Các tuyến đường khác	Nhà ông Nguyễn Đình Vui (thửa số 79, tờ bản đồ số 247-Đ-IV)	Nhà bà Bùi Thị Hải (thửa số 38, tờ bản đồ số 247-Đ-IV)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
66		Nhà ông Bùi Văn Khoa (thửa số 138, tờ bản đồ số 247-C-III)	Nhà ông Bùi Văn Điển (thửa số 121, tờ bản đồ số 247-C-III)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
67		Ngã tư Sân gôn Văn Sơn	Cửa hàng điện tử Đình Hiền thôn Ao Kềnh	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
68		Bệnh viện Nam Lương Sơn	Hết thôn Đồng Sương đến đường 32/A	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
69		Ngã ba Nghĩa địa xóm Ghên	Thửa 97, tờ bản đồ số 244-B 03 hộ ông Bùi Văn Hênh xóm Sơn Thủy	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
70		Ngã ba Cồ Lỡi (xóm Đất Đỏ)	Hết diện tích Xưởng sản xuất men rượu thuộc xóm 23/9	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
71		Thửa đất số 20 tờ bản đồ 198-A của hộ Ông Hoàng Văn Tứ xóm Đất Đỏ	Thửa đất số 67 tờ bản đồ 198-b của hộ ông Lục Nghê xóm 23/9	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
72		Nhà Văn Hóa thôn Đồng Sương (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 18)	Ngã ba đập Trằm Sắn (thửa đất số 66 tờ bản đồ số 16) thôn 3/2A	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
73		Hộ ông Nguyễn Ngọc Ty (thửa đất số 22 tờ bản đồ số 18) thôn Đồng Sương	Ngã ba hộ ông Hoàng Hoa Đàm (thửa đất số 31 tờ bản đồ số 17)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
74		Ngã ba nhà bà Bạch Thị Nghi (thửa đất số 70 tờ bản đồ số 44) thôn Ao Kềnh	Ngầm thôn Sòng (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 36)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
75		Hộ ông Bạch Hồng Chinh (thửa đất số 51 tờ bản đồ số 36) thôn Sòng	Cổng công ty 36/97 (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 29)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
76		Cổng công ty 36/97	Hết địa phận xã Thành Lập khu trại ấp Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ (thửa đất số 15 tờ bản đồ số	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
77		Nhà văn hóa (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 44)	Hộ ông Nguyễn Đình Thoại, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 45	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
78	Các tuyến đường khác	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Diễn (thửa đất số 108 tờ bản đồ số 44)	Hộ ông Bùi Văn Việt (thửa đất số 76 tờ bản đồ số 48) thôn Ao Kềnh	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
79		Hộ ông Bạch Mai Hán (thửa đất số 210 tờ bản đồ số 17) thôn Đồng Sương	Nhà văn hóa thôn Đồng Sương (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 18)	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
80		Nhà ông Nguyễn Văn Đoàn (thửa đất số 309 tờ bản đồ số 11) thôn Đồng Sương	Hộ ông Hoàng Nguyện (thửa đất số 97 tờ bản đồ số 11) thôn Đồng Sương	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
81		Hộ ông Đặng Trung Ích (thửa đất số 303 tờ bản đồ số 46) thôn Quán Trắng	Hộ ông Nguyễn Văn Long (thửa đất số 624 tờ bản đồ số 46) khu Ba Mô, xóm Quán Trắng	3.400	2.900	1.750	1.700	1.400	800	1.400	1.200	700
82		Hộ ông Nguyễn Văn Miên (thửa số 257, tờ bản đồ số 271-A-III)	Hộ ông Bùi Văn Thể (thửa số 58, tờ bản đồ số 270-D-II)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
83		Hộ ông Bùi Văn Dọ (thửa số 215, tờ bản đồ số 270-D-II)	Hộ ông Bùi Văn Lợi (thửa số 44, tờ bản đồ số 270-E-I)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
84		Cầu Suối Đán	Hộ ông Bùi Quốc Phòng (thửa số 218, tờ bản đồ số 246-E-III)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
85		Nhà ông Bùi Đức Lập (thửa số 270, tờ bản đồ số 246-E-III)	Hộ ông Bùi Văn Vọng (thửa số 173, tờ bản đồ số 246-E-III)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
86		Đường xóm Mái đồi, Mái giữa xóm Lộc Môn trong, xóm Tân Sơn, xóm Mái dưới		2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
87		Ngã ba Đồi É	Hết thửa đất của hộ ông Nguyễn Viết Sơn xóm Liên Hợp (tại thửa đất số 22, tờ bản đồ 197-B)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
88		Ngã tư xóm Đá Bạc	Hết thửa đất hộ bà Nguyễn Thị Ngoan xóm Đá Bạc (tại thửa số 21, tờ bản đồ 198-Đ)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
89	Các tuyến đường khác	Hộ nhà ông Nguyễn Văn Tằng tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 198-c	Hết thửa đất của hộ ông Đinh Tiến Tầm (tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 198-c)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
90		Công ty Cơ điện Hà Nội	Hết thửa đất của hộ ông Bùi Văn Hiền (tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 198-c), xóm Đá Bạc	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
91		Hộ ông Hồ Văn Thuận (tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 198-a)	Trường Mầm Non ngã ba Đồi É	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
92		Nhà ông Nguyễn Văn Hân (tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 198-a)	Hết thửa đất nhà ông Hoàng Văn Chưng (tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 174-Đ)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
93		Ngã tư xóm Đá Bạc	Hết thửa đất của hộ bà Bạch Thị Phạn (tại thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 197-d) giáp xóm Liên Hợp	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
94		Ngã tư xóm Đá Bạc	Hết thửa đất của hộ nhà ông Nguyễn Văn Dương (tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 197-e)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
95		Trạm Y Tế	Hết thửa đất của hộ nhà ông Bùi Văn Quyên (tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 173-e)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
96		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hùng (tại thửa đất số 75, tờ bản đồ 197-D PL01)	Hộ nhà ông Nguyễn Viết Sơn (tại thửa đất số 22, tờ bản đồ 197-B)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
97		Hộ nhà ông Hồ Mã Siêu (tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 198-a)	Hết thửa đất của hộ nhà bà Vũ Thị Luyến (tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 198-A)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
98		Hộ nhà ông Lê Kỳ Nam (tại thửa đất số 15, tờ bản đồ 198-B)	Hết thửa đất của hộ nhà ông Nguyễn Văn Phú (tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 174-Đ)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
99		Nhà Nguyễn Văn Toản (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 34) xóm Sòng	Nhà ông Bùi Văn Hậu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 34) thôn Sòng	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
100	Các tuyến đường khác	Trại lợn hộ ông Hoàng Nguyện (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 11	Cổng Công ty tấm lợp Đông Anh 6 (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 2)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
101		Nhà ông Ông Văn Hùng (thửa đất số 18 tờ bản đồ số 22) xóm 3/2 A	Nhà ông Lên Văn Thành (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 27) thôn 3/2 A	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
102		Nhà văn hóa thôn Đồng Sương (thửa đất số 4 tờ bản đồ số 18)	Hộ ông Bùi Đức Sinh (thửa đất số 7, tờ bản đồ số 18) thôn Đồng Sương	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
103		Hộ ông Nguyễn Thanh Tịnh (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 17) thôn Đồng Sương	Nghĩa địa thôn Đồng Sương (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
104		Nhà ông Ông Văn Dũng (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 22) thôn 3/2 A	Nhà ông Lê Văn Ý (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 14) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
105		Trường mầm non Ao Kềnh (thửa đất số 54 tờ bản đồ số 45)	Nhà ông Bùi Văn Hợp (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 40) khu Đồi Vàng, thôn Ao Kềnh	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
106		Nhà ông Nguyễn Văn Đính (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 45) thôn Ao Kềnh	Nhà ông Bùi Văn Minh (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 41) khu Đập Dưới thôn Ao Kềnh	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
107		Ngõ trạm biến thế thôn 3/2 B (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 9)	Hộ ông Nguyễn Anh Dũng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 10) thôn 3/2B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
108		Ngõ từ nhà ông Đặng Ngọc Ánh (thửa đất số 64 tờ bản đồ số 9)	Nhà ông Nguyễn Văn Hảo (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
109		Ngõ nhà ông Nguyễn Văn Chính (thửa đất số 70 tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	Nhà ông Nguyễn Thanh Nghi (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
110		Ngõ nhà bà Nguyễn Thị Xuân Hương (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 9)	Nhà bà Nguyễn Thị Đúi (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
111	Các tuyến đường khác	Ngõ nhà bà Nguyễn Thị Bảy Phương (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	Nhà ông Lê Đức Hùng (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
112		Ngõ nhà bà Nguyễn Thị Hồng (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	Nhà ông Trần Đình Đấu (thửa đất số 2 tờ bản đồ số 9)	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
113		Ngõ nhà ông Nguyễn Tuất Thắng (thửa đất số 7 tờ bản đồ số 8) thôn 3/2 B	Nhà ông Trịnh Ngọc Hà (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 8) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
114		Ngõ nhà bà Nguyễn Thị Huấn (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	Nhà ông Lê Khắc Khoa (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9) thôn 3/2 B	2.900	2.000	1.300	1.400	1.000	700	1.200	800	600
115		Hộ ông Bùi Đức Kiệm xóm Ghên	Hộ ông Bạch Công Bảy xóm Ghên	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
116		Hộ ông Nguyễn Quang Phong	Trấn đập Hồ Ngành, thuộc xóm Ngành	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
117		Hộ ông Nguyễn Văn Công xóm Ngăm	Hộ ông Nguyễn Văn Thị xóm Ngăm	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
118		Hộ ông Bùi Ngọc Loan xóm Ngăm	Hộ ông Nguyễn Ngọc Vĩnh xóm Ngăm	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
119		Hộ ông Bùi Thanh Thà xóm Ghên	Hộ ông Bạch Công Lữ xóm Ghên	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
120		Ngã ba nhà ông Vũ Viết Quý (tại thửa đất số 55, tờ bản đồ 197-a)	Hết thửa đất nhà ông Vũ Viết Hiển (tại thửa đất số 49, tờ bản đồ 197-a)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
121		Nhà ông Nguyễn Văn Đoàn (tại thửa đất số 123, tờ bản đồ 198-đ)	Hết nhà ông Mai Văn Hải (tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 222-a-pl 01)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
122		Hộ ông Phạm Văn Lộc (tại thửa đất số 74, tờ bản đồ 197-d-pl 02)	Hết nhà ông Bùi Văn Từ (tại thửa đất số 147, tờ bản đồ 197-d)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
123		Ngã ba xóm Liên Hợp	Hết hộ ông Bùi Thành Năm (tại thửa đất số 29, tờ bản đồ 197-B)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
124		Đường trục chính	Hết thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Nhã (tại thửa đất số 74, tờ bản đồ 198-B) xóm 23/9	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
125	Các tuyến đường khác	Nhà ông Kháng Bưởi (tại thửa đất số 184, tờ bản đồ 198-c)	Hết thửa đất của hộ ông Kiêm Trang (tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 198-B)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
126		Đường trục chính	Hết thửa đất của hộ ông Hoàng Trọng Cư (tại thửa đất số 80, tờ bản đồ 198-a)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
127		Nhà ông Lâm Cương (tại thửa đất số 38, tờ bản đồ 174 - đ)	Hết thửa đất của hộ nhà ông Vũ Văn Hòa (tại thửa đất số 21, tờ bản đồ 174 - đ)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
128		Nhà ông Nguyễn Ngọc Tin (thửa đất số 48 tờ bản đồ số 17) thôn Đồng Sương	Nhà ông Ông Văn Hùng (thửa đất số 18 tờ bản đồ số 22) thôn 3/2 A	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
129		Nhà ông Nguyễn Văn Kiệm (thửa đất số 8 tờ bản đồ số 22) thôn 3/2 A	Nhà ông Bùi Văn Hạnh (thửa đất số 84 tờ bản đồ số 16) thôn Đồng Sương	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
130		Hộ ông Hoàng Trung Kiên (thửa đất số 32 tờ bản đồ số 17) thôn Đồng Sương	Hộ ông Hoàng Văn Hưng (thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17) thôn Đồng Sương	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
131		Nhà ông Mai Thanh Vương (thửa đất số 30 tờ bản đồ số 27) thôn 3/2 A	Nhà ông Phạm Văn Bình (thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22) thôn 3/2 A	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
132		Nhà ông Nguyễn Chủ Nhiệm (thửa đất số 73 tờ bản đồ số 32) thôn Sòng	Nhà ông Nguyễn Văn Ngân (thửa đất số 26 tờ bản đồ số 33) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
133		Nhà văn hóa thôn Sòng (thửa đất số 116 tờ bản đồ số 34)	Nhà ông Nguyễn Văn Tặng (thửa đất số 432A tờ bản đồ số 35) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
134		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 27 tờ bản đồ số 36)	Nhà ông Nguyễn Văn Điền (thửa đất số 28 tờ bản đồ số 37) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
135		Nhà ông Bùi Văn Quyên (thửa đất số 32 tờ bản đồ số 30) thôn Sòng	Nhà ông Vũ Xuân Thiều (thửa đất số 59 tờ bản đồ số 27) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
136		Ngã ba nhà ông Bạch Văn Chính (thửa đất số 148 tờ bản đồ số 34)	Vườn rau Hữu Cơ thôn Sòng (thửa đất số 159 tờ bản đồ số 35)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
137		Nhà ông Nguyễn Văn Tiên (thửa đất số 196 tờ bản đồ số 34)	Suối đi Ngô Sẻ thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
138	Các tuyến đường khác	Nhà ông Nguyễn Văn Dũng (thửa đất số 4A tờ bản đồ số 30)	Nhà ông Nguyễn Văn Binh (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 30) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
139		Nhà bà Nguyễn Thị Thủy (thửa đất số 43 tờ bản đồ số 15) thôn 3/2 A	Nghĩa địa thôn 3/2A-B (thửa đất số 42 tờ bản đồ số 14)	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
140		Nhà bà Tạ Thị Lâm (thửa đất số 119 tờ bản đồ số 26) thôn 3/2 A	Nhà ông Tạ Thanh Sơn (thửa đất số 107 tờ bản đồ số 26) 3/2 A	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
141		Ngõ hộ ông Nguyễn Hồng Chí (thửa đất số 35 tờ bản đồ số 34) thôn Sòng	Hộ ông Nguyễn Văn Triệu (thửa đất số 17 tờ bản đồ số 33) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
142		Hộ ông nguyễn Hồng Chỉ (thửa đất số 100 tờ bản đồ số 30) thôn Sòng	Hộ ông Bùi Văn Giới (thửa đất số 27A tờ bản đồ số 31) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
143		Ngầm Sòng (thửa đất số 76 tờ bản đồ số 36)	Hộ ông Nguyễn Văn Lụa (thửa đất số 175 tờ bản đồ số 36) thôn Sòng	1.920	1.450	1.000	940	750	480	840	650	470
144		Khu Đồi láo, khu nhà ông Bùi Văn Quân xóm Chũm	Đinh Xuân Khang xóm Lạt.	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
145		Hộ ông Nguyễn Văn Thỏa	Hộ Bà Nguyễn Thị Riềm xóm Ngành	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
146		Hộ ông Nguyễn Đức Hán xóm Ngành	Hộ ông Nguyễn Đình Riệm xóm Ngành	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
147		Nhà ông Nguyễn Thanh Vương (tại thửa đất số 94, tờ bản đồ 173 e)	Hết thửa đất của hộ ông Nguyễn Đức Lý (tại thửa đất số 87, tờ bản đồ 173 e)	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
148		Hộ bà Mai Thị Vân (tại thửa đất số 61, tờ bản đồ 198 c)	Hết thửa đất của hộ ông Đào Văn Giòn (tại thửa đất số 20, tờ bản đồ 198 c)	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
149		Nhà ông Thực Hạ xóm Đồn Vận (tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 173 e)	Hết thửa đất nhà ông Tư Nông xóm Đồn Vận (tại thửa đất số 73, tờ bản đồ 197.B- pl 01)	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
150		Đường trục chính	Hết thửa đất của hộ nhà ông Nguyễn Đình Văn (tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 197-e)	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
151	Các tuyến đường khác	Đường trục chính	Hết thửa đất của hộ ông Bùi Quang Tuấn (tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 222 a- pl 01)	1.440	1.000	800	750	480	370	650	470	370
152		UBND xã Cao Sơn cũ	Nhà ông Đinh Công Tôn (xóm Đồng Lau)	2.500	2.200	1.300	1.200	1.100	700	1.100	900	600
153		Ngã ba cổng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cao Sơn cũ	Giao nhau với đường Trường Sơn A	2.500	1.650	1.300	980	650	490	850	560	470
154		Ngã ba Liên Hòa Đầm Đa	Xóm Liên Hòa (xóm Suối Cốc trước đây).	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
155		Điểm bưu điện văn hóa xã (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 170-C)	Hộ ông Nguyễn Văn Thạnh (xóm Trại Hòa, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 170-đ-04)	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
156		Ngã ba trường trung học (Hộ ông Hoàng Văn Năm, xóm Đầm Đa, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 170-b)	Hộ ông Nguyễn Danh Kỳ, xóm Liên Hòa (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 171-C)	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
157		Hộ ông Hoàng Văn Thâm (xóm Liên Hòa, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 170-d)	Cổng trang trại ông Thái Ngô Đức (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 170-e)	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
158		Hộ bà Hoàng Thị Hải (xóm Đầm Đa, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 170-C)	Cổng trang trại bà Nguyễn Thị Phin (xóm Đầm Đa, thửa đất số 683, tờ bản đồ số 01)	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
159		Hộ ông Đinh Công Tôn xóm Đồng Lau (thửa đất số 11, tờ bản đồ 216-B-II)	Hộ ông Nguyễn Văn Chiến xóm Vai Đào (thửa đất số 79, tờ bản đồ 216-E-II)	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
160		Đường Trường Sơn A	Các xóm Cột Bài, Bằng Gà, Tháy Mỏ, suối Bu	1.000	780	730	430	310	290	430	310	250
161		Ngã ba xóm Suối Cỏ (cổng hộ ông Hoàng Văn Hưng, xóm Suối Cỏ, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 169-e)	Hộ bà Hoàng Thị Cùn (thửa số 129, tờ bản đồ số 169-e)	780	730	530	310	290	220	310	250	220
162		Hộ ông Nguyễn Văn Thạnh (xóm Trại Hòa, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 170-đ-04)	Hộ ông Bùi Văn Kim (xóm Suối Cỏ, thửa đất số 104, tờ bản đồ số 169-e)	780	730	530	310	290	220	310	250	220

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
163	Các tuyến đường khác	Ngã ba đoạn hộ ông Hoàng Văn Phú (xóm Trại Hòa, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 170-C)	Hộ ông Bùi Văn Phú (xóm Trại Hòa, thửa đất số 120, tờ bản đồ số 170-C)	780	730	530	310	290	220	310	250	220
164		Hộ ông Đinh Văn Luận xóm Hui (thửa đất số: 142, tờ bản đồ 169-Đ-IV)	Hộ ông Bùi Văn Thiêm xóm Thành Sơn (thửa đất số 209, tờ bản đồ 192-C-III, xóm Trại Mới cũ)	780	730	530	310	290	220	310	250	220
165		Ngã ba xóm Trại Hòa (cổng hộ ông Hoàng Văn Chung, xóm Trại Hòa, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 170-C)	Thửa đất Hà Nội (thửa số 21, tờ bản đồ số 170-e)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
166		Đường trục chính	Xóm Liên Hòa (xóm Suối Cốc trước đây)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
167		Ngã ba hộ ông Hoàng Văn Giang, xóm Liên Hòa (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 170-d)	Ngã ba hộ ông Hoàng Văn Thìn (thửa số 53, tờ bản đồ số 170-e)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
168		Ngã ba xóm Đầm Đa (Hộ ông Nam Hải, xóm Đầm Đa, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 170-b)	Thửa đất hộ ông Đinh Thế Thi (thửa số 41, tờ bản đồ số 170-d)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
169		Cổng hộ ông Hoàng Văn Chung (cổng trường tiểu học xã Hợp Hòa, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 170-C)	Ngã ba cổng hộ ông Nguyễn Văn Thạnh, xóm Trại Hòa, đoạn rẽ lên trường bắn, (thửa đất số 260, tờ bản đồ số 170-đ-04)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
170		Hộ ông Nguyễn Văn Chiến xóm Vai Đào (thửa đất số: 79, tờ bản đồ 216-E-II)	Hộ ông Quách Đình Khánh xóm Vai Đào (Thửa đất số 01, tờ bản đồ 217-C-II)	730	530	350	370	260	240	280	230	200
171	Các khu đô thị, tái định cư	Có mặt giáp đường giao thông chính của Khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
172		Có mặt giáp đường giao thông còn lại của Khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
173	Các khu đô thị, tái định cư	Có mặt giáp đường giao thông chính của khu nhà ở Giếng Xạ 1, 2		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
174		Có mặt giáp đường giao thông còn lại của khu nhà ở Giếng Xạ 1, 2		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
175		Có mặt giáp đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 21A) khu tái định cư nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Bến Cuối		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
176		Có mặt giáp đường chính khu tái định cư nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Bến Cuối		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
177		Có mặt giáp đường còn lại khu tái định cư nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Bến Cuối		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
178		Có mặt giáp trục đường khu tái định cư nhà máy xi măng Trung Sơn tại Xóm Lộc Môn		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
179		Có mặt giáp trục đường khu tái định cư nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Mái		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
180		Có mặt giáp đường chính khu tái định cư các hộ liền kề nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Ao Kềnh		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
181		Có mặt giáp đường còn lại khu tái định cư các hộ liền kề nhà máy xi măng Trung Sơn tại xóm Ao Kềnh		6.000	3.280	2.480	4.200	3.500	2.700	3.900	3.100	2.300
182	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			530			210			190		